

Hà Nội, ngày *12* tháng *3* năm 2013

THÔNG TƯ

Quy định về hoạt động theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 83/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành;

Thanh tra Chính phủ quy định về hoạt động theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về trình tự, hình thức, nội dung để tiến hành hoạt động theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này được áp dụng đối với cơ quan thanh tra nhà nước, Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước; Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành; Công chức, Thanh tra viên hoặc Tổ công tác của cơ quan thanh tra nhà nước, cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành được giao nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra; Đối tượng thanh tra, cơ quan quản lý đối tượng thanh tra, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

Điều 3. Mục đích theo dõi, đôn đốc, kiểm tra

1. Theo dõi thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra nhằm thường xuyên nắm bắt thông tin về tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết

định xử lý về thanh tra của đối tượng thanh tra, cơ quan quản lý đối tượng thanh tra, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Đôn đốc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra nhằm nhắc nhở hoặc đưa ra các biện pháp thúc đẩy việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của đối tượng thanh tra, cơ quan quản lý đối tượng thanh tra, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

3. Kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra nhằm phát hiện, xử lý hành vi không thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của đối tượng thanh tra, cơ quan quản lý đối tượng thanh tra, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan. Đảm bảo kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra phải được thực hiện nghiêm túc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động thanh tra và công tác quản lý nhà nước về thanh tra.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. “Người được giao nhiệm vụ theo dõi” là công chức, Thanh tra viên hoặc Tổ công tác của cơ quan thanh tra nhà nước, cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành được giao nhiệm vụ theo dõi việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

2. “Người được giao nhiệm vụ đôn đốc” là công chức, Thanh tra viên hoặc Tổ công tác của cơ quan thanh tra nhà nước, cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành được giao nhiệm vụ đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

3. “Người được giao nhiệm vụ kiểm tra” là công chức, Thanh tra viên hoặc Tổ công tác của cơ quan thanh tra nhà nước, cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành được giao nhiệm vụ kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

4. “Đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra” là các cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm hoặc có liên quan đến việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

Điều 5. Nguyên tắc chung

1. Hoạt động theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra phải được tiến hành thường xuyên, kịp thời, khách quan, công khai, minh bạch và tuân thủ các quy định của pháp luật.

2. Hoạt động theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra không làm cản trở đến hoạt động bình thường của đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra.

3. Hoạt động theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra được tiến hành đôi với từng vụ việc hoặc đồng thời nhiều vụ việc tùy theo mức độ phức tạp của vụ việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra.

4. Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có trách nhiệm tổ chức việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra trong phạm vi chức năng, quyền hạn do pháp luật quy định.

Chương II
THEO DÕI, ĐƠN ĐỐC, KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN KẾT LUẬN,
KIẾN NGHỊ, QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ VỀ THANH TRA

Mục 1

THEO DÕI THỰC HIỆN KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ, QUYẾT ĐỊNH
XỬ LÝ VỀ THANH TRA

Điều 6. Chuẩn bị theo dõi

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày công bố kết luận thanh tra, người được giao nhiệm vụ theo dõi có trách nhiệm mở sổ theo dõi tập hợp thông tin có liên quan đến việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

2. Việc tập hợp thông tin có liên quan được thực hiện theo các nội dung sau:

a) Thống kê đầy đủ tên và các thông tin của đối tượng theo dõi, đơn đốc, kiểm tra;

b) Thống kê chi tiết các nội dung mà đối tượng theo dõi, đơn đốc, kiểm tra phải thực hiện theo kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra:

- Nội dung về hoàn thiện cơ chế, chính sách và pháp luật;

- Nội dung xử lý về kinh tế: Trong đó nêu rõ theo từng khoản phải xử lý; các hình thức xử lý tương ứng và những kiến nghị xử lý khác (nếu có);

- Nội dung xử lý trách nhiệm: Trong đó thống kê rõ số vụ việc xử lý hành chính, số người, tổ chức phải xử lý và hình thức xử lý đề xuất (nếu có); số vụ việc xử lý hình sự, số người phải xử lý.

- Nội dung những kiến nghị, quyết định xử lý khác;

- Thời hạn thực hiện các nội dung được ghi trong kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra (nếu có).

Điều 7. Hình thức theo dõi

1. Hoạt động theo dõi thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra được tiến hành thông qua việc tổng hợp kết quả thực hiện, yêu cầu đối tượng theo dõi, đơn đốc, kiểm tra báo cáo về tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra và cung cấp tài liệu, thông tin chứng minh kèm theo.

2. Căn cứ vào từng vụ việc cụ thể, người được giao nhiệm vụ theo dõi chuẩn bị văn bản trình Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành gửi văn bản yêu cầu hoặc đề xuất cử người trực tiếp làm việc với đối tượng theo dõi, đơn đốc, kiểm tra để xác định thông tin về tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

Điều 8. Nội dung theo dõi

1. Hoạt động theo dõi được tiến hành nhằm thu thập thông tin về tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra theo các nội dung sau:

a) Quá trình tổ chức chỉ đạo việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước hoặc Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có liên quan;

b) Tiến độ và kết quả thực hiện các nội dung trong kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra;

c) Những tồn tại hoặc khó khăn, vướng mắc có liên quan đến việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

2. Căn cứ vào từng vụ việc cụ thể, người được giao nhiệm vụ theo dõi có trách nhiệm xác định rõ về nội dung thông tin, địa chỉ tiếp nhận, phương thức và thời hạn cung cấp trong văn bản yêu cầu hoặc trong quá trình làm việc trực tiếp với đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra.

Điều 9. Báo cáo theo dõi

1. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày công bố kết luận thanh tra, người được giao nhiệm vụ theo dõi có trách nhiệm trình Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành Báo cáo theo dõi việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra. Trường hợp kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra có ghi thời hạn thực hiện thì thực hiện theo thời hạn tại kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

2. Báo cáo theo dõi việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra gồm các nội dung sau:

a) Thông tin chung về kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra và trách nhiệm tổ chức thực hiện của đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra;

b) Kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra;

c) Đánh giá việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra;

d) Phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra (nếu có).

Điều 10. Xử lý kết quả theo dõi

1. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được Báo cáo theo dõi việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra, Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành căn cứ vào kết quả theo dõi để xem xét và quyết định:

a) Kết thúc việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và yêu cầu người được giao nhiệm vụ theo dõi chuyển hồ sơ vụ việc cho các bộ phận có liên quan để tiến hành tổng hợp và lưu trữ theo quy định hiện hành, nếu việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra đã hoàn thành;

b) Tiến hành đôn đốc theo trình tự quy định tại Thông tư này nếu việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra chưa hoàn thành.

2. Kết quả của hoạt động theo dõi việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra được thông báo cho đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và công khai theo quy định của pháp luật.

Mục 2

ĐƠN ĐỐC THỰC HIỆN KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ, QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ VỀ THANH TRA

Điều 11. Hình thức đơn đốc

Hoạt động đơn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra được tiến hành bằng hình thức gửi văn bản đơn đốc hoặc làm việc trực tiếp với đối tượng theo dõi, đơn đốc, kiểm tra:

Trường hợp gửi văn bản đơn đốc, chậm nhất là 05 ngày, kể từ ngày quyết định việc đơn đốc, người được giao nhiệm vụ đơn đốc có trách nhiệm chuẩn bị văn bản đơn đốc trình Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành gửi đối tượng theo dõi, đơn đốc, kiểm tra.

Trường hợp làm việc trực tiếp, chậm nhất là 05 ngày, kể từ ngày quyết định việc đơn đốc, người được giao nhiệm vụ đơn đốc có trách nhiệm chuẩn bị kế hoạch làm việc chi tiết, kèm theo văn bản thông báo trình Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành gửi đối tượng theo dõi, đơn đốc, kiểm tra.

Điều 12. Nội dung đơn đốc

1. Hoạt động đơn đốc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra được tiến hành theo các nội dung sau:

a) Nhắc nhở các nội dung được ghi trong kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra chưa hoàn thành việc thực hiện;

b) Yêu cầu đối tượng theo dõi, đơn đốc, kiểm tra báo cáo giải trình nguyên nhân chưa hoàn thành việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra;

c) Các biện pháp thúc đẩy và trách nhiệm của các bên liên quan trong việc hoàn thành thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

2. Căn cứ vào từng vụ việc, người được giao nhiệm vụ đơn đốc có trách nhiệm xác định rõ các yêu cầu về nội dung, phương thức, trách nhiệm và thời hạn thực hiện trong quá trình chuẩn bị văn bản đơn đốc hoặc trực tiếp làm việc với đối tượng theo dõi, đơn đốc, kiểm tra.

Điều 13. Báo cáo đơn đốc

1. Trong thời hạn 25 ngày, kể từ ngày quyết định việc đơn đốc, người được giao nhiệm vụ đơn đốc có trách nhiệm trình Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành Báo cáo kết quả đơn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

2. Báo cáo kết quả đơn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra thể hiện các nội dung sau đây:

a) Tình hình kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra sau khi đã tiến hành theo dõi;

b) Quá trình đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra;

c) Những tiến triển hoặc kết quả trong việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra sau khi đã tiến hành đôn đốc;

d) Đánh giá chung và kiến nghị, đề xuất về việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

Điều 14. Xử lý kết quả đôn đốc

1. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được Báo cáo kết quả đôn đốc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra, Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành căn cứ vào kết quả đôn đốc để xem xét và quyết định:

a) Kết thúc việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và yêu cầu người được giao nhiệm vụ đôn đốc chuyển hồ sơ vụ việc cho các bộ phận có liên quan để tiến hành tổng hợp và lưu trữ theo quy định hiện hành, nếu việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra đã hoàn thành;

b) Tiến hành kiểm tra theo trình tự quy định tại Thông tư này nếu việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra chưa hoàn thành.

2. Kết quả của hoạt động đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra được thông báo cho đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và công khai theo quy định của pháp luật.

Mục 3

KIỂM TRA THỰC HIỆN KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ, QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ VỀ THANH TRA

Điều 15. Căn cứ kiểm tra

1. Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành ra quyết định kiểm tra khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Sau khi hết thời hạn báo cáo kết quả đôn đốc mà đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra không hoàn thành việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra;

b) Đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra không thực hiện trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra theo quy định của pháp luật;

c) Trong quá trình theo dõi, đôn đốc phát hiện dấu hiệu cản trở, tẩu tán tài sản, tiêu huỷ tài liệu, không hợp tác hoặc vi phạm pháp luật của đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra.

2. Hoạt động kiểm tra chỉ được thực hiện khi có quyết định kiểm tra của Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

Điều 16. Quyết định kiểm tra

1. Quyết định kiểm tra phải ghi rõ các thông tin sau:

- a) Căn cứ ra quyết định kiểm tra;
- b) Đối tượng, nội dung, phạm vi kiểm tra;
- c) Thời hạn tiến hành kiểm tra;
- d) Người được giao nhiệm vụ kiểm tra.

2. Chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày ký, quyết định kiểm tra phải được gửi cho người được giao nhiệm vụ kiểm tra và đối tượng kiểm tra.

Điều 17. Thời hạn tiến hành kiểm tra

1. Trường hợp tiến hành kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của một vụ việc thanh tra, thời hạn kiểm tra tối đa là 05 ngày tính từ ngày bắt đầu làm việc của người được giao nhiệm vụ kiểm tra. Nếu nội dung, phạm vi kiểm tra phức tạp, thì Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có thể quyết định thời hạn kiểm tra căn cứ vào kế hoạch kiểm tra chi tiết được phê duyệt hoặc gia hạn kiểm tra. Thời gian gia hạn không vượt quá thời hạn tiến hành kiểm tra.

2. Trường hợp tiến hành kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của nhiều vụ việc thanh tra, thời hạn kiểm tra tối đa là 10 ngày tính từ ngày bắt đầu làm việc của người được giao nhiệm vụ kiểm tra. Nếu nội dung, phạm vi kiểm tra phức tạp, thì Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có thể quyết định thời hạn kiểm tra căn cứ vào kế hoạch kiểm tra chi tiết được phê duyệt hoặc gia hạn kiểm tra. Thời gian gia hạn không vượt quá thời hạn tiến hành kiểm tra.

Điều 18. Nội dung kiểm tra

1. Việc tiến hành kiểm tra cần xem xét, đánh giá các vấn đề sau đây:

a) Quá trình chỉ đạo và tổ chức thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra;

b) Kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra (bao gồm những nội dung đã hoàn thành và những nội dung chưa hoàn thành, kèm theo tiến độ thực hiện);

c) Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra (khó khăn, vướng mắc khách quan và chủ quan tác động đến việc thực hiện);

d) Các hành vi vi phạm pháp luật của các bên liên quan trong việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra;

đ) Nguyên nhân và trách nhiệm của các bên liên quan đối với tình trạng chưa hoàn thành thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra (làm rõ nguyên nhân và trách nhiệm của đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra).

2. Trong quá trình tiến hành kiểm tra, người được giao nhiệm vụ kiểm tra có trách nhiệm thu thập các tài liệu, thông tin có liên quan nhằm xác minh làm rõ các nội dung kiểm tra.

Điều 19. Báo cáo kết quả kiểm tra

1. Chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, người được giao nhiệm vụ kiểm tra có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm tra với Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

2. Báo cáo kết quả kiểm tra bao gồm các nội dung sau đây:

a) Đánh giá tình hình, kết quả kiểm tra;

b) Kết luận về nội dung kiểm tra;

c) Kiến nghị các biện pháp xử lý hành vi vi phạm pháp luật và các nội dung khác có liên quan đến đảm bảo việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

Điều 20. Xử lý kết quả kiểm tra

1. Căn cứ kết quả kiểm tra, Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có trách nhiệm xem xét, xử lý kịp thời kết quả kiểm tra như sau:

a) Yêu cầu Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp của đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền và quy định của pháp luật buộc đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra hoàn thành việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra. Trong trường hợp việc chưa hoàn thành thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra gây thiệt hại, thì buộc đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra chịu trách nhiệm bồi thường;

b) Áp dụng theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền áp dụng các hình thức xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính và các hình thức khác theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra có trách nhiệm khi không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc thực hiện không đúng thời hạn trong kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra;

c) Chuyển vụ việc sang Cơ quan điều tra cùng cấp để xem xét khởi tố vụ án nếu quá trình kiểm tra phát hiện dấu hiệu cấu thành tội phạm của các cá nhân có trách nhiệm hoặc có liên quan đến việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra;

d) Quyết định thanh tra lại hoặc báo cáo xin ý kiến Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp quyết định thanh tra lại nếu quá trình kiểm tra phát hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra có vi phạm pháp luật. Việc thanh tra lại được tiến hành theo quy định của Luật Thanh tra;

e) Báo cáo xin ý kiến Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp xử lý các trường hợp sau kiểm tra có căn cứ xác định đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra không có khả năng thực hiện được các kiến nghị, quyết định xử lý tại kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

2. Kết quả hoạt động kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra được thông báo đến đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và được công khai theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2013.

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước các cấp, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Quá trình thực hiện Thông tư nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh vấn đề mới, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Thanh tra Chính phủ để hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tổng Thanh tra Chính phủ;
- Các Phó Tổng Thanh tra Chính phủ;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ và CQ thuộc Chính phủ;
- UB Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Thanh tra các cấp, các ngành;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử của TTCP;
- Các Cục, Vụ, đơn vị thuộc TTCP;
- Lưu: VT, PC (TTCP). *luu*

TỔNG THANH TRA



Huỳnh Phong Tranh